

SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH HÀ TĨNH
CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

SỔ TAY HƯỚNG DẪN
QUẢN LÝ CHẤT THẢI
NGUY HẠI

(Dành cho chủ nguồn thải chất thải nguy hại)

Hà Tĩnh, 2017

SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH HÀ TĨNH
CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

**SỔ TAY HƯỚNG DẪN
QUẢN LÝ CHẤT THẢI
NGUY HẠI**

(Dành cho chủ nguồn thải chất thải nguy hại)

Hà Tĩnh - 2017

LỜI GIỚI THIỆU

Môi trường là một trong những yếu tố vô cùng quan trọng và cần thiết với mỗi con người và mỗi quốc gia. Nó là nền tảng cho sự tồn tại và phát triển bền vững của xã hội, bất cứ hoạt động gì của con người cũng diễn ra trong môi trường và vì thế nó có những tác động nhất định tới môi trường.

Quản lý chất thải nguy hại (CTNH) là một vấn đề được quan tâm và ưu tiên trong công tác bảo vệ môi trường hiện nay. Cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa mạnh mẽ, lượng chất thải cũng liên tục gia tăng, tạo sức ép rất lớn đối với công tác bảo vệ môi trường.

Nhằm nâng cao nhận thức, nắm vững các quy định trong công tác quản lý CTNH cho các doanh nghiệp và các cán bộ quản lý môi trường tại địa phương, Chi cục Bảo vệ môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh đã tổ chức biên soạn “Sổ tay hướng dẫn quản lý chất thải nguy hại” để cung cấp những nội dung cơ bản về lĩnh vực quản lý CTNH gồm các nội dung chính: cách nhận biết, lưu giữ, quản lý CTNH và các trách nhiệm của chủ nguồn thải trong công tác quản lý CTNH. Chúng tôi hy vọng “Sổ tay hướng dẫn quản lý chất thải nguy hại” sẽ giúp các tổ chức doanh nghiệp và các cơ quan quản lý hiểu rõ hơn về CTNH và quản lý CTNH sao cho phù hợp, đảm bảo yêu cầu môi trường phục vụ cho sự phát triển bền vững trong thời kỳ phát triển kinh tế.

Trong quá trình biên soạn không tránh khỏi những thiếu sót, Ban biên tập thành thật mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của tất cả các bạn đọc để tài liệu được hoàn thiện hơn trong những lần tái bản sau. Ý kiến góp ý xin gửi về: Chi cục Bảo vệ môi trường: số 12 Võ Liêm Sơn – Thành phố Hà Tĩnh - tỉnh Hà Tĩnh.

BAN BIÊN TẬP

CÁC TỪ VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ Tài Nguyên và Môi Trường
CQCP	Cơ quan cấp phép
CTNH	Chất thải nguy hại
GPS	Hệ thống định vị vệ tinh
POP	Các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy
QCVN	Quy Chuẩn Việt Nam
QLCTNH	Quản lý CTNH

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

1. Chất thải là vật chất được thải ra từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác.

2. Chất thải nguy hại là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm, gây ngộ độc hoặc đặc tính nguy hại khác.

3. Quản lý chất thải nguy hại là các hoạt động liên quan đến việc phòng ngừa, giảm thiểu, phân định, phân loại, tái sử dụng trực tiếp, lưu giữ tạm thời, vận chuyển và xử lý CTNH.

4. Vận chuyển CTNH là quá trình chuyên chở CTNH từ nơi phát sinh đến nơi xử lý, có thể kèm theo việc thu gom, đóng gói, bảo quản, lưu giữ tạm thời, trung chuyển, sơ chế CTNH.

5. Xử lý CTNH là quá trình sử dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật nhằm biến đổi, loại bỏ, cách ly, tiêu huỷ hoặc phá huỷ tính chất, thành phần nguy hại của CTNH (kể cả việc tái chế, tận thu, thiêu đốt, đồng xử lý, cô lập, chôn lấp) với mục đích cuối cùng là không gây tác động xấu đến môi trường và sức khoẻ con người.

6. Sơ chế CTNH là việc sử dụng các biện pháp kỹ thuật cơ-lý đơn thuần nhằm thay đổi tính chất vật lý như kích thước, độ ẩm, nhiệt độ để tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển, xử lý hoặc nhằm phối trộn hoặc tách riêng các thành phần của CTNH cho phù hợp với các phương pháp xử lý khác nhau.

7. Đồng xử lý CTNH là việc kết hợp một quá trình sản xuất sẵn có để xử lý CTNH, trong đó CTNH được sử dụng làm nhiên liệu, nguyên vật liệu bổ sung cho quá trình sản xuất này.

8. Tái sử dụng trực tiếp CTNH là việc trực tiếp sử dụng lại các CTNH có nguồn gốc là các phương tiện, thiết bị, sản phẩm hoặc vật liệu, hoá chất đã qua sử dụng thuộc danh mục quy định tại Phụ lục 1 theo đúng mục đích sử dụng ban đầu của phương tiện, thiết bị, sản phẩm hoặc vật liệu, hoá chất đó mà không qua bất kỳ khâu xử lý hay sơ chế nào.

9. Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH là hồ sơ cấp cho chủ nguồn thải CTNH, trong đó liệt kê thông tin về chủng loại, số lượng CTNH đăng ký phát sinh và quy định trách nhiệm về bảo vệ môi trường của chủ nguồn thải đối với CTNH được đăng ký.

10. Giấy phép xử lý chất thải nguy hại là giấy phép cấp cho chủ xử lý chất thải nguy hại để thực hiện dịch vụ xử lý, tái chế, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ chất thải nguy hại (có thể bao gồm hoạt động vận chuyển, trung chuyển, lưu giữ, sơ chế).

11. Chủ nguồn thải CTNH là tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc điều hành cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh CTNH (sau đây gọi tắt là cơ sở phát sinh CTNH).

12. Mã số QLCTNH là mã số được cấp kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải hoặc Giấy phép QLCTNH.

13. Danh mục CTNH là danh mục chất thải nguy hại do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành. Mã CTNH là mã số của từng loại CTNH trong Danh mục CTNH.

14. Ngưỡng CTNH là giới hạn định lượng tính chất và thành phần nguy hại của một chất thải, được ấn định để xác định là CTNH hay chưa gây nguy hại, làm căn cứ cho hoạt động quản lý và xử lý CTNH đó một cách phù hợp. Bao gồm hai loại như sau:

- Chất thải có khả năng là CTNH (ký hiệu là *): Cần áp dụng ngưỡng CTNH (hay ngưỡng nguy hại của chất thải) theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07:2009/BTNMT hoặc QCVN 50:2013/BTNMT để phân định có phải là CTNH. Nếu không áp dụng ngưỡng CTNH thì phải phân định luôn là CTNH. Trong trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật đối với một số tính chất và thành phần nguy hại nhất định thì áp dụng theo các tiêu chuẩn của quốc tế theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về môi trường.

- Chất thải là CTNH trong mọi trường hợp (ký hiệu là **): Không cần áp dụng ngưỡng CTNH mà xác định luôn là CTNH.

15. Giá trị ngưỡng CTNH là chất thải có ít nhất một thành phần nguy hại ở mức hàm lượng bằng hoặc lớn hơn giá trị nêu trong QCVN

07:2009/BTNMT hoặc QCVN 50:2013/BTNMT là CTNH và phải được quản lý, xử lý theo qui định đối với CTNH

16. Thu gom CTNH là việc thu gom, phân loại, đóng gói và lưu giữ tạm thời CTNH tại các địa điểm hoặc cơ sở được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

17. Lưu giữ CTNH là việc lưu giữ và bảo quản CTNH trong một khoảng thời gian nhất định với điều kiện cần thiết đảm bảo không rò rỉ, phát tán, thất thoát ra môi trường cho đến khi CTNH được vận chuyển đến các địa điểm hoặc cơ sở xử lý, tiêu huỷ được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

18. Chứng từ CTNH là bảng kê được phát hành theo biểu mẫu thống nhất trên toàn quốc để cung cấp cho các chủ nguồn thải CTNH. Chứng từ CTNH là tài liệu xác nhận việc chuyển giao trách nhiệm đối với CTNH giữa chủ nguồn thải và các chủ vận chuyển, chủ xử lý, tiêu huỷ CTNH.

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân trong nước hoặc tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ liên quan đến việc phát sinh CTNH, quản lý CTNH trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Không áp dụng đối với chất thải phóng xạ; chất thải ở thể hơi và khí; nước thải phát sinh nội bộ trong khuôn viên của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung được xử lý tại công trình xử lý nước thải của cơ sở hoặc khu đó.

2. Thời gian và đơn vị tính số lượng CTNH

- Thời gian được quy định trong Thông tư 36/2015/TT-BTNMT theo tháng hoặc theo năm thì khoảng thời gian đó được tính theo tháng, năm dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ theo quy định của Bộ luật Lao động.

- Thời gian được quy định trong Thông tư 36/2015/TT-BTNMT theo ngày thì khoảng thời gian đó được tính theo ngày làm việc, không bao gồm ngày nghỉ theo quy định của Bộ luật Lao động.

- Số lượng CTNH trong các hồ sơ, giấy phép, báo cáo, chứng từ và các giấy tờ khác quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT thống nhất sử dụng đơn vị tính là kilôgam (kg)

II. AN TOÀN TRONG QUẢN LÝ CTNH

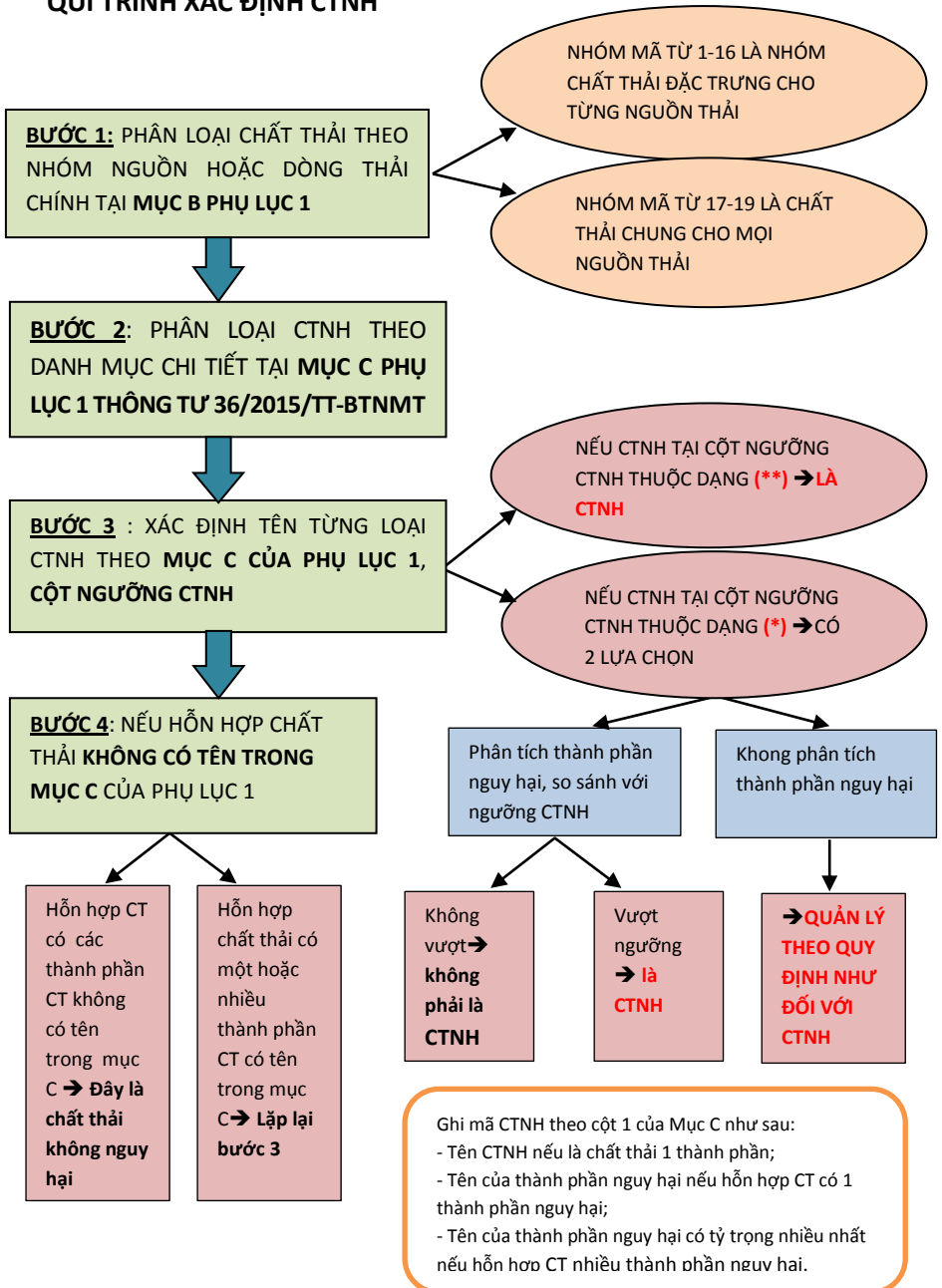
1. Cách xác định CTNH

Trước khi báo cáo đăng ký CTNH của chủ nguồn thải, cần phải xác định chất thải của cơ sở sản xuất có phải là chất thải nguy hại hay không? Để xác định được, cần xem xét đầu tiên là các chất nào là chất thải trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi đã xác định được chất thải, xem sơ đồ 1 dưới đây để xác định chất thải này có phải là chất thải nguy hại hay không theo các bước sau:

- **Bước 1:** Xem xét chất thải của doanh nghiệp và theo mục B của Phụ lục 1 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT để phân loại chất thải theo nhóm nguồn thải hoặc dòng thải chính. Mục B có 19 nhóm, trong đó các nhóm từ 1-16 là nhóm các nguồn thải/dòng thải đặc trưng cho mỗi loại CTNH. Nhóm từ 17-19 là nhóm chất thải chung cho mọi nguồn thải có thể phát sinh ra.
- **Bước 2:** Sau khi xác định được CTNH thuộc nhóm nào. Dựa vào mục C của Phụ lục 1 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT (gọi là Danh mục) để phân loại CTNH.
- **Bước 3 :** Sau khi có tên của CTNH trong Danh mục nêu trên. Đối chiếu chất thải này với cột “ngưỡng CTNH” trong mục C. Nếu chất thải tìm thấy có giá trị (**) trong cột ngưỡng CTNH, thì đây là CTNH. Nếu chất thải tìm thấy có giá trị (*) trong cột ngưỡng, chủ nguồn thải có 2 lựa chọn sau đây:
 - Không phân tích thành phần nguy hại của chất thải này. Khi đó chất thải này nghiêm nhiên là CTNH và cần phải đăng ký và quản lý như CTNH.
 - Phân tích thành phần nguy hại của chất thải để xác định ngưỡng CTNH so với QCVN 07:2009/BTNMT, nếu kết quả phân tích là:
 - Vượt ngưỡng đặt ra trong QCVN 07:2009 hoặc QCVN 50:2013/BTNMT (đối với bùn thải) → đây là CTNH.
 - Không vượt ngưỡng đặt ra trong QCVN 07:2009 hoặc QCVN 50:2013/BTNMT (đối với bùn thải) → chất thải này không nguy hại, đăng ký theo chất thải thông thường.

- **Bước 4** : Trong trường hợp chất thải của doanh nghiệp là một hỗn hợp các loại chất thải. Hỗn hợp này không có tên trong Danh mục, khi đó cần xem xét các khả năng sau đây:
 - Hỗn hợp chất thải có các thành phần chất thải không có tên trong Danh mục → chất thải này là chất thải không nguy hại.
 - Hỗn hợp chất thải có một hoặc nhiều thành phần chất thải có tên trong Danh mục. Quay trở lại bước 3 để xác định CTNH. Trong trường hợp hỗn hợp có nhiều thành phần nguy hại, doanh nghiệp có thể chọn thành phần CTNH nào chiếm tỷ trọng/khối lượng nhiều nhất để khai báo/đăng ký, hoặc đăng ký tất cả các thành phần nguy hại trong hỗn hợp theo mã số nêu tại Danh mục.

QUI TRÌNH XÁC ĐỊNH CTNH



2. Các qui định an toàn trong lưu giữ, vận chuyển CTNH

a. Các qui định an toàn khi tiếp xúc với CTNH

Các nhân viên tiếp xúc với CTNH phải được đào tạo, phải được cung cấp các qui trình an toàn và các trang bị bảo hộ cá nhân. Các biển yêu cầu áp dụng các biện pháp an toàn, các qui trình thao tác phải được sử dụng và treo tại các vị trí cán bộ thực hành thao tác. Tất cả các thao tác phải được thực hiện ở chỗ có điều kiện thông gió tốt. Không cho phép hút thuốc tại vị trí thao tác. Công nhân, cán bộ trực tiếp tiếp xúc với CTNH cần phải được trang bị đầy đủ trang bị bảo hộ cá nhân như đeo găng tay, đi ủng kín được sản xuất riêng để phòng trừ nhiễm độc. Các quần áo bảo hộ lao động bị nhiễm CTNH cần phải được loại bỏ ngay. Các vùng da bị tiếp xúc với CTNH phải được rửa bằng nước lạnh và làm sạch ngay lập tức.

Các thiết bị trợ giúp hô hấp cũng cần phải được trang bị cho công nhân, cán bộ trực tiếp thao tác với CTNH. Trong khi làm việc tại điều kiện nhiệt độ bình thường cần đeo mặt nạ phòng độc. Tại điều kiện nhiệt độ cao, hoặc trong không gian hẹp thì cần đeo các thiết bị trợ giúp hô hấp và người lao động phải được tập huấn kỹ lưỡng và đầy đủ để sử dụng tốt các thiết bị này. Nếu như hệ thống trợ giúp hô hấp không có bộ phận bảo vệ mắt thì công nhân, cán bộ cần phải đeo kính bảo hộ.



Hình: Trang bị bảo hộ cá nhân dành cho nhân viên tiếp xúc với CTNH

Trang bị bảo hộ cá nhân phải được mặc/đeo trong suốt thời gian tiếp xúc với CTNH. Các trang bị bảo hộ cần ít nhất là các đồ dùng sau đây:

- Kính bảo vệ mắt – Kính râm hoặc các kính bảo vệ mắt có khả năng phòng ngừa bị nhiễm các hoá chất bắn vào.
- Găng tay bảo vệ – Găng nhựa hoặc găng cao su cần phải đeo để bảo vệ tay khỏi bị nhiễm. Những găng tay này cần phải được tiêu huỷ cẩn thận sau khi sử dụng.
- Quần áo bảo hộ – Quần áo bền với hoá chất làm bằng chất liệu Tyvek hoặc các chất kiểu tương tự sẽ bảo vệ da và quần áo khỏi bị nhiễm.
- Giày hoặc ủng bảo hộ.

Tất cả các trang bị bảo hộ cần phải được tiêu huỷ như đối với CTNH theo đúng qui cách và các qui định sau khi sử dụng.

b. Qui định đối với việc đóng gói, lưu chứa CTNH

Việc đóng gói CTNH thường được thực hiện bởi chủ nguồn thải. Có thể tận dụng bao bì hoặc thùng chứa nguyên liệu để làm thùng chứa. Tuy nhiên các bao bì, thùng chứa tận dụng hay mới đều phải đảm bảo các qui định sau:

- Bao bì CTNH (vỏ cứng hoặc vỏ mềm) bảo đảm lưu giữ an toàn CTNH, không bị hư hỏng, rách vỡ vỏ.
- Bao bì mềm được buộc kín và bao bì cứng có nắp đậy kín để bảo đảm ngăn chất thải rò rỉ hoặc bay hơi.
- Chất thải lỏng, bùn thải dạng nhão hoặc chất thải có các thành phần nguy hại dễ bay hơi phải chứa trong bao bì cứng không vượt quá 90% dung tích hoặc mức chứa cao nhất cách giới hạn trên của bao bì là 10 (mười) cm.

Thiết bị lưu chứa (có vỏ cứng với cỡ lớn hơn các bao bì thông thường, như các bồn, bể, công ten nơ...) phải đáp ứng các yêu cầu chung như sau:

- Bảo đảm lưu chứa an toàn CTNH, có gia cố hoặc thiết kế đặc biệt tại điểm tiếp nối và vị trí xếp, dỡ hoặc nạp, xả chất thải để tránh rò rỉ.
- Kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng.
- Có biển dấu hiệu cảnh báo theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6707:2009 về chất thải nguy hại - Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa (sau đây viết tắt là TCVN 6707:2009) với kích thước ít nhất 30 (ba mươi) cm mỗi chiều.
- Thiết bị lưu chứa CTNH ở thể lỏng hoặc có thành phần nguy hại dễ bay hơi phải có nắp đậy kín, biện pháp kiểm soát bay hơi, đặc biệt tại điểm nạp, xả, biện pháp kiểm soát nạp đầy tràn để bảo đảm mức chứa cao nhất cách giới hạn trên của thiết bị lưu chứa 10 (mười) cm.

- Trường hợp thiết bị lưu chứa CTNH không có các thành phần nguy hại dễ bay hơi thì có thể không cần nắp đậy kín nhưng phải có mái hoặc biện pháp che hoàn toàn nắng, mưa khác và biện pháp kiểm soát gió trực tiếp vào bên trong.
- Thiết bị lưu chứa CTNH có dung tích từ 02 (hai) m³ trở lên và đáp ứng các quy định tại Mục này được đặt ngoài trời nhưng phải đảm bảo kín khí, không bị nước mưa lọt vào.
- Trường hợp lưu chứa loại hoặc nhóm CTNH có khả năng phản ứng hóa học với nhau trong cùng thiết bị lưu chứa thì phải có biện pháp cách ly bảo đảm loại hoặc nhóm CTNH không tiếp xúc với nhau trong quá trình lưu chứa.



Hình: Minh họa khu vực lưu chứa CTNH

Khu vực lưu giữ CTNH (không bắt buộc phải xây dựng dưới dạng kho) phải đáp ứng các yêu cầu chung như sau:

- Mặt sàn trong khu vực lưu giữ CTNH bảo đảm kín khí, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.
- Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH, trừ các thiết bị lưu chứa CTNH với dung tích lớn hơn 02 (hai) m³ thì

được đặt ngoài trời; có biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong.

- Có biện pháp cách ly với các loại hoặc nhóm CTNH khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau.
- Khu lưu giữ CTNH phải được bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.
- Khu vực lưu giữ CTNH dễ cháy, nổ bảo đảm khoảng cách không dưới 10 (mười) m với lò hơi và các thiết bị đốt khác.
- Chất thải lỏng có PCB, các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc đối tượng quản lý của Công ước Stockholm và các thành phần nguy hại hữu cơ halogen khác (vượt ngưỡng CTNH theo quy định tại QCKTMT về ngưỡng CTNH) phải được chứa trong các bao bì cứng hoặc thiết bị lưu chứa đặt trên các tấm nâng và không xếp chồng lên nhau.

Khu vực lưu giữ CTNH phải được trang bị như sau:

- Thiết bị phòng cháy chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.
- Vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng.
- Biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại CTNH được lưu giữ theo TCVN 6707:2009 với kích thước ít nhất 30 (ba mươi) cm mỗi chiều.
- Đối với các cơ sở y tế thì khu vực lưu chứa phải đáp ứng các quy định về quản lý chất thải y tế.

Bảng 1. Qui định an toàn trong việc phân loại, lưu giữ, thu gom và vận chuyển CTNH

Các CTNH phải được cách ly theo qui định chi tiết ở bảng dưới đây:

Nhóm	1	2	3	4	5	6	7
1		C	C	C	C	C	C
2	C		B	B	C	B	B
3	C	B		B	C	B	A
4	C	B	B		C	B	B
5	C	C	C	C		C	B
6	C	B	B	B	C		A
7	C	B	A	B	B	A	

Chú thích: Các chữ số và ký hiệu ở bảng trên được hiểu như sau:

Nhóm	Đặc tính nguy hại
1	Chất dễ cháy nổ
2	Khí thải
3	Chất lỏng dễ cháy
4	Chất rắn dễ cháy
5	Tác nhân oxy hoá
6	Chất độc
7	Chất ăn mòn (pH < 2 hoặc pH > 12,5)
Ký hiệu	Qui định
A	Phải được tách biệt với khoảng cách ít nhất 3m
B	Phải được tách biệt với khoảng cách ít nhất 5m
C	Không được lưu trữ cùng ngăn hay cùng chỗ. Cự ly tối thiểu 10m giữa các khu lưu trữ.

c. Qui định về dán nhãn CTNH

CTNH phải được dán nhãn sau khi đóng gói đảm bảo nhãn dán phải có đầy đủ các thông tin sau:





- Tên và địa chỉ của chủ nguồn thải



- Tên chất thải, mã số CTNH, thành phần chính và trọng lượng, khối lượng hoặc thể tích của chất thải
- Đặc tính nguy hại như dễ nổ, dễ cháy. Ăn mòn, phản ứng, phóng xạ...
- Mục đích sử dụng để lưu giữ tạm thời, vận chuyển đi hoặc xử lý, tiêu huỷ. Trong mọi trường hợp đều ghi rõ địa điểm cần chuyển CTNH đến.
- Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo qui định tại TCVN 6707:2000. Nếu một loại CTNH có nhiều tính nguy hại đồng thời thì phải dán đầy đủ số dấu hiệu cảnh báo nguy hại tương đương với số lượng tính nguy hại của chất thải đó.
- Nhãn hướng dẫn bảo quản nếu cần thiết. Riêng nhãn định hướng phải được dán ở hai mặt đối diện nhau của thùng chứa và hướng mũi tên phải chỉ đúng.

Nhãn và dấu hiệu cảnh báo nguy hại phải có hình dạng, màu sắc, ký hiệu và chữ viết theo đúng qui định, kích cỡ tối thiểu là 10cm x 10cm (TCVN 5053:1990). Khi dán nhãn hoặc dấu hiệu cảnh báo nguy hại không được để gấp nếp hoặc bị che phủ bởi nhãn khác. Nếu bề mặt bao bì không đủ chỗ, có thể dùng móc gắn kèm nhãn kiện hàng. Không được để nhãn bị rách hoặc bị mất. Bảng 1 dưới đây hướng dẫn một số biển báo CTNH theo qui định tại TCVN 6707:2009

Bảng 1 – Hướng dẫn một số biển báo CTNH theo TCVN 6707:2009

Hình biển báo	Cảnh báo	Lưu ý trên nhãn và nơi đặt biển báo
 Chất thải nguy hại	Cảnh báo chung về sự nguy hiểm của CTNH	Tại vị trí cần để đề phòng nguy hiểm có thể xảy ra – Chỉ sử dụng cùng bảng ghi chú thuyết minh, ghi rõ ràng bằng chữ nội dung nguy hiểm

Hình biển báo	Cảnh báo	Lưu ý trên nhãn và nơi đặt biển báo
 <p>Chất thải dễ cháy</p>	<p>Cảnh báo về nguy cơ dễ cháy của chất thải</p>	<p>Tại cửa kho, trong kho, vị trí bảo quản, công đoạn sản xuất,... có chứa chất dễ cháy. Trên phương tiện hoặc bao bì chứa đựng và vận chuyển chất dễ cháy</p>
 <p>Chất dễ nổ</p>	<p>Cảnh báo về nguy cơ dễ nổ của chất thải</p>	<p>Tại cửa kho, trong kho, vị trí bảo quản, công đoạn sản xuất,... có vật liệu hoặc chất có nguy hiểm nổ. Trên phương tiện hoặc bao bì chứa đựng và vận chuyển vật liệu hoặc chất có nguy hiểm nổ</p>
 <p>Chất ăn mòn</p>	<p>Cảnh báo về chất thải có chứa các chất ăn mòn</p>	<p>Tại cửa kho, trong kho, vị trí bảo quản, công đoạn sản xuất,... có chất ăn mòn. Trên phương tiện hoặc bao bì chứa đựng và vận chuyển chất ăn mòn</p>
 <p>Rất độc</p>	<p>Cảnh báo về chất thải có chứa các chất độc hại</p>	<p>Tại cửa kho, trong kho, vị trí bảo quản, công đoạn sản xuất,.. có chất độc. Trên phương tiện hoặc bao bì chứa đựng và vận chuyển chất độc.</p>

Hình biển báo	Cảnh báo	Lưu ý trên nhãn và nơi đặt biển báo
 <p data-bbox="183 504 426 533">Độc cho hệ sinh thái</p>	Chất thải có tính độc sinh thái	Cảnh báo về chất thải có chứa các thành phần độc cho hệ sinh thái. Tại khu vực chứa chất thải nguy hại.
 <p data-bbox="188 841 421 869">Chất thải lây nhiễm</p>	Cảnh báo về chất thải có chứa chất gây bệnh hoặc nguồn vi trùng gây bệnh	Tại cửa kho, trong kho, vị trí bảo quản, công đoạn sản xuất, khu vực có các nguồn lây nhiễm. Trên bao bì chứa đựng và vận chuyển cũng như trên thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển, ... có vi trùng dễ lây nhiễm.



III. MỘT SỐ QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI CHỦ NGUỒN THẢI CTNH

1. Trách nhiệm của chủ nguồn thải CTNH

- Đăng ký với Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có cơ sở phát sinh chất thải nguy hại theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định này.

- Có biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải nguy hại; tự chịu trách nhiệm về việc phân định, phân loại, xác định số lượng chất thải nguy hại phải báo cáo và quản lý.

- Có khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại; lưu giữ chất thải nguy hại trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

- Trường hợp không tự tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý, thu hồi năng lượng từ chất thải nguy hại tại cơ sở, chủ nguồn thải chất thải nguy hại phải ký hợp đồng để chuyển giao chất thải nguy hại với tổ chức, cá nhân có giấy phép phù hợp.

- Chủ nguồn thải chất thải nguy hại có trách nhiệm định kỳ 06 (sáu) tháng báo cáo về việc lưu giữ chất thải nguy hại tại cơ sở phát sinh với Sở Tài nguyên và Môi trường bằng văn bản riêng hoặc kết hợp trong báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ khi chưa chuyển giao được trong các trường hợp sau:

- Chưa có phương án vận chuyển, xử lý khả thi;
 - Chưa tìm được chủ xử lý chất thải nguy hại phù hợp.
- Lập, sử dụng, lưu trữ và quản lý chứng từ chất thải nguy hại, báo cáo quản lý chất thải nguy hại (định kỳ và đột xuất) và các hồ sơ, tài liệu, nhật ký liên quan đến công tác quản lý chất thải nguy hại theo quy định.
- Khi chấm dứt hoạt động phát sinh chất thải nguy hại, phải thông báo bằng văn bản cho Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có cơ sở phát sinh chất thải nguy hại trong thời gian không quá 06 (sáu) tháng.

2. Yêu cầu khi chuyển giao CTNH:

- Chỉ ký hợp đồng chuyển giao CTNH với các tổ chức, cá nhân có Giấy phép xử lý CTNH hoặc Giấy phép quản lý CTNH phù hợp;

- Khi có nhu cầu xuất khẩu CTNH để xử lý ở nước ngoài, chủ nguồn thải CTNH phải tuân thủ Công ước Basel về kiểm soát vận chuyển xuyên biên giới các CTNH và việc tiêu hủy chúng (gọi tắt là Công ước Basel).

- Sử dụng chứng từ CTNH mỗi lần chuyển giao CTNH theo quy định tại Phụ lục 2, trừ các trường hợp sau:

- TỰ tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở;
- Sổ giao nhận chất thải y tế nguy hại được sử dụng thay thế cho chứng từ CTNH (có hướng dẫn trong Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh)

- Sau thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày chuyển giao CTNH, nếu không nhận được hai liên cuối cùng của chứng từ CTNH mà không có lý do hợp lý bằng văn bản từ phía tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH thì chủ nguồn thải CTNH báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Tổng cục Môi trường để kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.



3. Yêu cầu về lập và nộp các báo cáo:

- Báo cáo quản lý CTNH định kỳ hàng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 và nộp Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

- Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Lưu trữ với thời hạn 05 (năm) năm tất cả các liên chứng từ CTNH đã sử dụng, báo cáo quản lý CTNH và các hồ sơ, tài liệu liên quan để cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

- Áp dụng đồng thời việc kê khai chứng từ CTNH và báo cáo quản lý CTNH trực tuyến trên hệ thống thông tin của Tổng cục Môi trường hoặc thông qua thư điện tử khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

- Trường hợp tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH thì phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý quy định tại Phụ lục 4 và đăng ký trong Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

Một số văn bản liên quan đến công tác quản lý chất thải nguy hại:

1. Luật Bảo vệ môi trường 2014
2. Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.
3. Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.
4. Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn đến năm 2025.

PHỤ LỤC 2

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

(Kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. Hướng dẫn sử dụng Chứng từ CTNH

1. Giới thiệu:

Một bộ Chứng từ CTNH gồm các liên (được in sẵn để kê khai bằng tay hoặc kê khai trực tiếp trong máy tính trước khi in ra) như sau:

- Liên số 1: Lưu tại chủ nguồn thải;
- Liên số 2: Lưu tại chủ xử lý CTNH 1 (thứ nhất hoặc duy nhất);
- Liên số 2^S: Chủ xử lý CTNH 1 gửi Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có địa điểm cơ sở của mình (tập hợp gửi đồng thời kèm theo Báo cáo quản lý CTNH (sau đây viết tắt là QLCTNH) định kỳ theo mẫu tại Phụ lục 4 (B); phải đóng dấu treo trong trường hợp chỉ thực hiện việc vận chuyển mà không xử lý);
- Liên số 3: Lưu tại chủ xử lý CTNH 2 (thứ hai);
- Liên số 3^S: Chủ xử lý CTNH 2 gửi Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có địa điểm cơ sở xử lý CTNH (tập hợp gửi đồng thời kèm theo Báo cáo QLCTNH định kỳ theo mẫu tại Phụ lục 4 (B));
- Liên số 2^T hoặc 3^T: (Các) chủ xử lý CTNH gửi Tổng cục Môi trường (tập hợp gửi đồng thời kèm theo Báo cáo QLCTNH định kỳ theo mẫu tại Phụ lục 4 (B));
- Liên số 4: Lưu tại chủ nguồn thải (chủ xử lý CTNH gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH);
- Liên số 5: Chủ nguồn thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường nơi cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH (tập hợp gửi đồng thời kèm theo Báo cáo QLCTNH định kỳ theo quy định tại Phụ lục 4 (A)).

Trong đó, các liên số 1, 2, 2^S, 4 và 5 là các liên mặc định được sử dụng trong mọi trường hợp; các liên còn lại là các liên tùy chọn theo thực tế.

2. Tổ chức thực hiện:

- Chủ nguồn thải CTNH phải thống nhất với các tổ chức, cá nhân có liên quan để khai đầy đủ vào Chứng từ CTNH theo đúng nội dung hợp đồng chuyển giao CTNH và các quy định trong Giấy phép xử lý CTNH hoặc Giấy phép QLCTNH của tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH.

- Chủ nguồn thải CTNH phát hành một bộ Chứng từ CTNH mỗi khi thực hiện một lần chuyển giao CTNH tương ứng với từng chủ xử lý CTNH thực hiện việc xử lý, không dùng chung Chứng từ CTNH cho các lô CTNH được chuyển đến các chủ xử lý CTNH thực hiện việc xử lý khác nhau, kể cả trường hợp do cùng một chủ xử lý CTNH thực hiện việc vận chuyển. Chủ nguồn thải có trách nhiệm bảo đảm các chủ xử lý CTNH kê khai và xác nhận vào Chứng từ khi có chuyển giao CTNH và khi đã hoàn thành xử lý CTNH.

- Trường hợp được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ quản lý CTNH không có chủ nguồn thải cụ thể (như CTNH phát sinh do sự cố môi trường hoặc từ chất thải sinh hoạt) hoặc không xác định được chủ nguồn thải (như CTNH vận chuyển bất hợp pháp bị bắt giữ), chủ xử lý CTNH 1 phát hành Chứng từ CTNH thay cho chủ nguồn thải.

3. Trình tự kê khai, lưu và chuyển Chứng từ CTNH:

a) **Mục** [@]: Căn cứ vào thực tế chuyển giao CTNH để xác định số lượng các liên và đánh dấu vào số ký hiệu tương ứng của từng liên.

b) **Số Chứng từ**: Số thứ tự trong năm/năm/mã số QLCTNH của chủ nguồn thải.

(Ví dụ: Chứng từ đầu tiên trong năm 2015 của chủ nguồn thải có mã số QLCTNH 01.000001.T có số là: 01/2015/01.000001.T)

Trường hợp chủ nguồn thải không có mã số QLCTNH thì thay bằng ký hiệu viết tắt tên chủ nguồn thải. Trường hợp không có chủ nguồn thải

cụ thể thì thay bằng ký hiệu viết tắt tên cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ vận chuyển.

c) **Mục 1, 2 và 3:** Chủ nguồn thải và (các) chủ xử lý CTNH thống nhất khai đầy đủ tên, mã số QLCTNH, địa chỉ (địa chỉ cơ sở hoặc đại lý tương ứng với lô CTNH trong trường hợp có nhiều hơn một cơ sở hoặc đại lý), số điện thoại theo đúng như Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH và Giấy phép đã được cấp. Trường hợp chỉ có duy nhất một chủ xử lý CTNH 1 thực hiện toàn bộ việc QLCTNH (không có chủ xử lý CTNH 2) thì bỏ các liên số 3, 3^S, 3^T và bỏ qua Mục 3.

d) **Mục 4:** Chủ nguồn thải và (các) chủ xử lý CTNH thống nhất khai đầy đủ tên, mã CTNH, trạng thái tồn tại, số lượng và phương pháp xử lý các loại CTNH trong một lần chuyển giao.

đ) **Mục 5:** Trong trường hợp xuất khẩu CTNH, chủ nguồn thải (hoặc nhà xuất khẩu đại diện), chủ xử lý CTNH hoặc chủ hành nghề QLCTNH thực hiện việc vận chuyển trong nội địa, đơn vị vận chuyển xuyên biên giới và đơn vị xử lý ở nước ngoài thống nhất khai đầy đủ các thông tin. Bỏ các liên số 3, 3^S, 3^T và không sử dụng Mục 7, 8. Chủ xử lý CTNH hoặc chủ hành nghề QLCTNH thực hiện việc vận chuyển trong nội địa trực tiếp gửi tất cả các liên số 4 và 5 cho chủ nguồn thải kèm theo hồ sơ vận chuyển theo quy định tại Điều 22 Thông tư này.

e) **Mục 6:** Người có thẩm quyền thay mặt chủ nguồn thải ký, đóng dấu vào tất cả các liên để xác nhận việc đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin tại Mục 1 đến 4 (hoặc 5) trước khi tiến hành chuyển giao. Trường hợp không có chủ nguồn thải thì thay bằng cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ vận chuyển.

g) **Mục 7.1:** Khi tiếp nhận CTNH từ chủ nguồn thải, người nhận (lái xe hoặc nhân viên thu gom) thay mặt chủ xử lý CTNH 1 ghi họ tên và ký xác nhận vào tất cả các liên của Chứng từ. Chủ nguồn thải giữ liên 1 và chuyển các liên còn lại cho chủ xử lý CTNH 1.

h) **Mục 7.2:** Khi tiếp nhận CTNH từ chủ xử lý CTNH 1, người nhận (lái xe hoặc nhân viên thu gom) thay mặt chủ xử lý CTNH 2 ghi họ tên và ký

xác nhận vào tất cả các liên của Chứng từ mà chủ xử lý CTNH 1 đang giữ. Chủ xử lý CTNH 1 chuyển các liên từ liên 3 trở đi cho chủ xử lý CTNH 2. Trường hợp không có chủ xử lý CTNH 2 thì bỏ qua Mục này.

i) **Mục 8:** Người có thẩm quyền thay mặt cho chủ xử lý CTNH thực hiện việc xử lý ký, đóng dấu vào tất cả các liên nhận được sau khi hoàn thành việc xử lý an toàn CTNH. Chủ xử lý CTNH gửi trả các liên 4 và 5 cho chủ nguồn thải trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành xử lý.

k) Chủ nguồn thải gửi liên 5 cho Sở Tài nguyên và Môi trường nơi cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

Lưu ý: Có thể xóa hoặc sửa đổi một số thông tin cho phù hợp khi lập Chứng từ CTNH tùy theo thực tế. Trường hợp chủ vận chuyển, chủ xử lý, tiêu hủy CTNH và chủ hành nghề QLCTNH sử dụng Chứng từ CTNH thì cần xóa, sửa đổi các thông tin, ví dụ như sau: *Chủ vận chuyển* thay thế *Chủ xử lý CTNH 1*; *Chủ xử lý, tiêu hủy* thay thế *Chủ xử lý CTNH 2* hoặc *Chủ hành nghề QLCTNH* thay thế *Chủ xử lý CTNH*.

B. Mẫu Chứng từ CTNH

TỈNH/THÀNH PHỐ	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số:.....						
1. Chủ nguồn thải:.....Mã số QLCTNH:..... Địa chỉ văn phòng:.....ĐT: Địa chỉ cơ sở:.....ĐT:							
2. Chủ xử lý CTNH 1:.....Mã số QLCTNH:..... Địa chỉ văn phòng:.....ĐT: Địa chỉ cơ sở/đại lý:.....ĐT:							
3. Chủ xử lý CTNH 2 :.....Mã số QLCTNH: Địa chỉ văn phòng:.....ĐT: Địa chỉ cơ sở:.....ĐT:							
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập..... Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:.....	
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1:..... Ký:.....Ngày:.....	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:.....Ngày:.....	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) , ngày.....tháng..... năm..... (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	8. Chủ xử lý CTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 , ngày.....tháng..... năm..... (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)
®Liên số: 1□ - 2□ 2 ^S □ - 2 ^T □ - 3□ - 3 ^S □ - 3 ^T □ - 4□ - 5□	

PHỤ LỤC 3

MẪU BÁO CÁO QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI ĐỊNH KỲ

(Kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(TÊN CHỦ NGUỒN THẢI) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI NĂM ...

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố...

1. Phần khai chung:

1.1. Tên chủ nguồn thải:

Địa chỉ văn phòng:

Điện thoại: Fax: E-mail:

Mã số QLCTNH (nếu không có thì thay bằng số Chứng minh nhân dân đối với cá nhân):

1.2. Cơ sở phát sinh CTNH (trường hợp có nhiều hơn một thì trình bày lần lượt từng cơ sở):

Tên cơ sở (nếu có):

Địa chỉ cơ sở:

Điện thoại: Fax: E-mail:

2. Tình hình chung về phát sinh, quản lý CTNH và chất thải thông thường tại cơ sở trong kỳ báo cáo vừa qua:

3. Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới (trừ trường hợp chủ nguồn thải có thời gian hoạt động dưới 01 năm):

4. Các vấn đề khác:

Người có thẩm quyền ký

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Phụ lục 1: Thống kê chất thải phát sinh

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTNH thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

a. Thống kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý ⁽ⁱ⁾	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Ghi chú
				(tên và mã số QLCTNH)	Ví dụ: TỰ tái sử dụng; xuất khẩu; đồng xử lý;...
Tổng số lượng					

⁽ⁱ⁾ Ghi ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); TR (Tẩy rửa); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

a¹) Thống kê các CTNH được xuất khẩu (nếu có):

Tên chất thải	Mã CTNH	Mã Basel	Số lượng (kg)	Đơn vị vận chuyển xuyên biên giới	Đơn vị xử lý ở nước ngoài
				(tên, địa chỉ)	(tên, địa chỉ)
Tổng số lượng					

a²) Thống kê các CTNH được tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở (nếu có):

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương thức tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH
Tổng số lượng			

b) Thống kê chất thải rắn thông thường:

Tên chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý hoặc tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý	Đơn vị xử lý
			(tên, địa chỉ)
Tổng số lượng			

Phụ lục 2: Tất cả các liên Chứng từ CTNH và bản sao Hợp đồng chuyển giao CTNH với (các) chủ xử lý CTNH đã sử dụng trong kỳ báo cáo vừa qua (để gửi Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi)

(Lưu ý sắp xếp thành từng bộ, bao gồm bản sao hợp đồng kèm theo các liên Chứng từ tương ứng sắp xếp lần lượt theo số chứng từ).

PHỤ LỤC 4

Yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý đối với chủ nguồn thải tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH

4.1. Việc tự sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH phù hợp với nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc chứng nhận đầu tư (trừ trường hợp các cơ sở không thuộc đối tượng áp dụng của Luật doanh nghiệp và Luật đầu tư).

4.2. Việc tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH chỉ được thực hiện bằng công nghệ, thiết bị sản xuất sẵn có hoặc công trình bảo vệ môi trường trong khuôn viên cơ sở phát sinh CTNH; phải bảo đảm đạt QCKTMT hiện hành và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý tương tự quy định tại Mục 5, Mục 6 Phụ lục 2 (B) ban hành kèm theo Thông tư 36/2015/TT-BTNMT; không được đầu tư mới lò đốt, bãi chôn lấp CTNH để tự xử lý CTNH kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

4.3. Việc tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH bằng các công nghệ, thiết bị sản xuất hoặc công trình bảo vệ môi trường trong khuôn viên cơ sở phát sinh CTNH phải phù hợp với báo cáo ĐTM hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương). Trường hợp chưa nằm trong báo cáo ĐTM, Kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương) thì phải trình phương án và được sự chấp thuận của các cơ quan sau:

4.3.1. Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt báo cáo ĐTM (hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương) của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3.2. Các cơ quan đã phê duyệt báo cáo ĐTM, Kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương) đối với các trường hợp không thuộc đối tượng quy định tại Điểm 4.3.1 trên.

4.4. Việc kiểm tra, xác nhận công trình bảo vệ môi trường theo báo cáo ĐTM (hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương) đối với cơ sở tự tái sử dụng, sơ

chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH được thực hiện như sau:

4.4.1. Trường hợp việc kiểm tra, xác nhận các công trình bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường (hoặc được ủy quyền) thì được tích hợp với thủ tục cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

4.4.2. Trường hợp việc kiểm tra, xác nhận các công trình bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ, cơ quan ngang Bộ khác thì phải được kiểm tra, xác nhận các công trình bảo vệ môi trường trước khi cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

4.5. Phải đăng ký trong Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH trước khi thực hiện việc tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH, bao gồm cả các đối tượng quy định tại Khoản 3 Điều 12 Thông tư 36/2015/TT-BTNMT.